

Số 39/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quyết định biên chế công chức trong cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; phê duyệt số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập và số lượng hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI KHÓA X KỲ HỌP THỨ 14

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật viên chức ngày 15 ngày 11 năm 2010;
Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm biên chế công chức;
Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;
Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;
Căn cứ Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022-2026;
Căn cứ Quy định số 19-QĐ/TU ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quản lý biên chế trong hệ thống chính trị của tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1439- QĐ/TU ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về giao biên chế tỉnh Đồng Nai năm 2024;

Xét Tờ trình số 182/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quyết định công chức trong cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; phê duyệt số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập và số lượng hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh năm 2024; Báo cáo thẩm tra số 837 ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định biên chế công chức trong cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện năm 2024 là: 2.979 chỉ tiêu (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh năm 2024 là: 42.448 chỉ tiêu (Phụ lục kèm theo).

Điều 3. Quyết định số lượng hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh năm 2024 là 1.827 chỉ tiêu (Phụ lục kèm theo).

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện phân bổ chỉ tiêu biên chế công chức, số lượng người làm việc đối với từng cơ quan của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

Trên cơ sở nhu cầu, tình hình quản lý biên chế công chức, giao Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh chỉ tiêu biên chế các đơn vị, địa phương trong phạm vi Đề án tỉnh giản biên chế sau khi thu hồi theo lộ trình hoặc kiện toàn tổ chức bộ máy.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện phân bổ chỉ tiêu hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia thực hiện và giám sát Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VB.QPPL - Bộ Tư pháp;
- Đ/c Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các Đoàn thể;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND cấp huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, PCTHĐ.

CHỦ TỊCH



Thái Bảo



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

PHỤ LỤC I

DANH SÁCH PHÂN BỐ BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN CỦA HĐND,
UBND CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Năm 2024	Ghi chú
1	2	3	4
	TỔNG	2,979	
A	CẤP TỈNH	1,435	
I	Cơ quan của Hội đồng nhân dân tỉnh	35	
1	Thường trực HĐND tỉnh	8	
2	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	27	
II	Ủy ban nhân dân tỉnh	5	
1	Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh	5	
III	Khối sở, ban, ngành	1,395	
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	64	
2	Sở Tài chính	79	
3	Sở Y tế	75	
4	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	80	
5	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	51	
6	Sở Công thương	54	
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	55	
8	Sở Ngoại vụ	26	
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	245	
10	Sở Nội vụ	84	
11	Thanh tra tỉnh	35	
12	Sở Giao thông vận tải	108	
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	63	
14	Sở Tư pháp	35	
15	Sở Khoa học và Công nghệ	45	
16	Sở Xây dựng	66	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Năm 2024	Ghi chú
17	Sở Thông tin và Truyền thông	30	
18	Sở Tài nguyên và Môi trường	103	
19	Ban Dân tộc	18	
20	Ban Quản lý Khu công nghệ cao công nghệ sinh học	20	
21	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	59	
B	CẤP HUYỆN	1,544	
1	Thành phố Biên Hòa	194	
2	Huyện Định Quán	133	
3	Huyện Cẩm Mỹ	129	
4	Thành phố Long Khánh	136	
5	Huyện Long Thành	149	
6	Huyện Nhơn Trạch	131	
7	Huyện Tân Phú	123	
8	Huyện Thống Nhất	137	
9	Huyện Trảng Bom	148	
10	Huyện Vĩnh Cửu	132	
11	Huyện Xuân Lộc	132	



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

PHỤ LỤC II

DANH SÁCH PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ
NƯỚC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Năm 2024	Ghi chú
1	2	3	4
1	Trường Đại học Đồng Nai	359	
2	Trường Cao đẳng Kỹ Thuật	71	
3	Trường Cao đẳng Nghề công nghệ cao	92	
4	Trường Cao đẳng Y tế	71	
5	Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa	255	
6	Nhà Thiếu nhi	16	
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	282	
8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	304	
9	Sở Giao thông vận tải	54	
10	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	190	
11	Văn phòng UBND tỉnh	27	
12	Sở Công Thương	26	
13	Sở Tư pháp	30	

STT	Tên đơn vị	Năm 2024	Ghi chú
14	Sở Nội vụ	15	
15	Sở Thông tin và Truyền thông	28	
16	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	9	
17	Ban Quản lý Khu công nghệ cao Công nghệ sinh học	18	
19	Sở Y tế	4,783	
18	Sở Giáo dục và Đào tạo	4,315	
20	Thành phố Biên Hòa	7309	
21	Thành phố Long Khánh	2,071	
22	Huyện Cẩm Mỹ	2,149	
23	Huyện Định Quán	2,787	
24	Huyện Long Thành	2,301	
25	Huyện Nhơn Trạch	2328	
26	Huyện Tân Phú	2,359	
27	Huyện Thống Nhất	2,171	
28	Huyện Trảng Bom	3,030	
29	Huyện Vĩnh Cửu	1,890	

STT	Tên đơn vị	Năm 2024	Ghi chú
30	Huyện Xuân Lộc	2,963	
31	Đài Phát thanh Truyền hình Đồng Nai	145	
Tổng		42,448	



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

PHỤ LỤC III

SỐ LƯỢNG HỢP ĐỒNG CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ TẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
GIÁO DỤC CÔNG LẬP THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 111/2022/NĐ-CP NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh)

STT	Đơn vị	Năm 2024	Ghi chú
1	2	3	4
1	Sở GD&ĐT	64	
2	UBND TP. Biên Hòa	317	
3	UBND TP. Long Khánh	143	
4	UBND huyện Trảng Bom	300	
5	UBND huyện Long Thành	245	
6	UBND huyện Thống Nhất	103	
7	UBND huyện Định Quán	63	
8	UBND huyện Tân Phú	85	
9	UBND huyện Nhơn Trạch	206	
10	UBND huyện Cẩm Mỹ	47	
11	UBND huyện Xuân Lộc	86	
12	UBND huyện Vĩnh Cửu	168	
	Tổng	1827	